

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 11540-2:2016

ISO 4683-2:1999

Xuất bản lần 1

**DA CỪU NGUYÊN LIỆU -
PHẦN 2: ĐỊNH DANH VÀ PHÂN VÙNG DA**

Raw sheep skins - Part 2: Designation and presentation

HÀ NỘI - 2016

Lời nói đầu

TCVN 11540-2:2016 hoàn toàn tương đương với ISO 4683-2:1999. ISO 4683-2:1999 đã được rà soát và phê duyệt lại năm 2016 với bố cục và nội dung không thay đổi.

TCVN 11540-2:2016 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 120 Sản phẩm da biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ tiêu chuẩn TCVN 11540 (ISO 4683), *Da cừu nguyên liệu* gồm các phần sau:

- TCVN 11540-1:2016 (ISO 4683-1:1998), *Phần 1: Mô tả các khuyết tật;*
- TCVN 11540-2:2016 (ISO 4683-2:1999), *Phần 2: Định danh và phân vùng da.*

Da cừu nguyên liệu -

Phần 2: Định danh và phân vùng da

Raw sheep skins -

Part 2: Designation and presentation

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định hệ thống định danh và phân vùng da cừu đã xén lông và da cừu nguyên lông sử dụng cho công nghiệp thuộc da và da lông.

Tiêu chuẩn áp dụng cho da cừu tươi, da cừu khô nguyên liệu, da cừu muối ướt, da cừu muối khô hoặc được axit hóa.

2 Phân loại và mô tả

2.1 Qui định chung

Da cừu nguyên liệu (nguyên lông) được phân loại như sau:

- a) da cừu non;
- b) da cừu trưởng thành.

Các loại da này được chia tiếp thành các nhóm sau:

2.2 Da cừu non

2.2.1 Da Astrakhan

Da cừu non mới sinh, đặc trưng bởi lông xoắn dày, thu được từ cừu non giống Karacun được giết mổ trước năm ngày tuổi để giữ lại lông xoắn mà sau đó sẽ rụng nhanh chóng trong vài ngày tuổi nữa.

CHÚ THÍCH Da loại này, được thu từ súc vật sinh ra khỏe mạnh, không được nhầm lẫn với da Breitschwanz (xem 2.2.2).

2.2.2 Da Breitschwanz

Da thu được từ bào thai của loài này khi được giết để lấy thịt từ hai đến ba tuần trước khi sinh (lông xoắn chưa phát triển hoàn toàn và xếp theo hàng, tạo hình dạng xen kẽ giữa vùng lông xoắn và vùng lông thẳng mềm, bóng).

2.2.3 Da Lessac

Da được lấy từ bào thai bốn tháng, với lông mềm mịn, thẳng và dài vài milimét.

2.2.4 Da cừu chết lưu

Da của cừu chết lưu hoặc của cừu non đã chết ngay sau khi sinh.

2.2.5 Da cừu sữa

Da cừu non chỉ được cho ăn bằng sữa và được giết mổ ở 4 đến 5 tuần tuổi.

2.2.6 Da cừu trắng (laitons)

Da của cừu non lớn lên ở trại nuôi cừu, cho ăn sữa và sau đó là các thức ăn khác. Chủ yếu là cừu non bốn tháng tuổi, và không xén lông, khi giết mổ, lông của chúng ngắn hơn lông của cừu non cùng giống bình thường.

2.2.7 Da của cừu non cai sữa

Da của cừu non không quá một năm tuổi, đã cai sữa và được nuôi ngoài trời. Cừu non được giết mổ không xén lông và có lông dài hơn, dày hơn lông cừu trắng, và mảnh. Ở một số quốc gia, cừu non còn được gọi là hoggets.

2.3 Da cừu

2.3.1 Da được xén lông

Da của cừu được xén lấy lông. Các da loại này phân loại và đặt tên theo chiều dài của lông và theo yêu cầu của bên mua và bên bán. Hệ thống phân loại và tên sử dụng khác nhau ở mỗi quốc gia.

2.3.2 Da cừu nguyên lông

Da của cừu đã được xén lông với chiều dài lớn hơn 60 mm, hoặc da của cừu một năm tuổi (antenaus) chưa được cắt lông.

CHÚ THÍCH Giới hạn 60 mm được đưa ra trong định nghĩa này có giá trị đối với các giống có độ mịn lông trung bình nằm trong khoảng từ 22 μm đến 31 μm .

3 Phân vùng da

Da phải được nhóm lại trong các lô giống nhau và mỗi lô phải được ký hiệu loại da chứa ở trong.

Phân vùng da (hoặc xén diêm) thu được hình dạng da để sử dụng sau đó. Việc phân vùng da cừu phải như sau:

Da phải không có phần đầu, có thể bao gồm tai (xem chú thích), nhưng không bao gồm núm vú, chân, đuôi, pisol hoặc bầu vú và chất béo thừa được nạo bỏ khỏi phần gáy. Da phải được trải phẳng, với đường sống lưng ở giữa. Các chân phải được xén.

CHÚ THÍCH Trong trường hợp ngoại lệ, đối với da có nguồn gốc xác định, chấp nhận phần đầu được cắt ở phía trước tai, phần còn lại gắn vào da vì hình dạng, kích cỡ và màu sắc của tai có thể cung cấp thông tin cần thiết về nguồn gốc của súc vật.
